

Số: /TB-UBND

Xã Tuệ Tỉnh, ngày tháng 8 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thành lập và hoạt động, hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

Thực hiện Quyết định số 2033/QĐ-UBND ngày 25/6/2025 của UBND thành phố Hải Phòng về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thành lập và hoạt động, hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

UBND xã Tuệ Tỉnh thông báo công khai danh mục thủ tục hành chính theo Quyết định số 2033/QĐ-UBND ngày 25/6/2025 của UBND thành phố Hải Phòng tại Trung tâm phục vụ hành chính công và đồng thời đăng tải trên Cổng thông tin điện tử xã tại địa chỉ: <https://tuetinh.haiphong.gov.vn> (Có danh mục thủ tục hành chính kèm theo)

UBND xã Tuệ Tỉnh thông báo đề các cơ quan, đơn vị, các tổ chức, cá nhân có liên quan được biết và thực hiện.

Nơi nhận:

- UBND thành phố (để b/c);
- TT Đảng ủy, TT HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND Xã;
- Phòng Văn hóa;
- VP HĐND-UBND;
- TT PVHCC; TT Văn hóa TT&TT;
- Cổng thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT, TT PV HCC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Ngô Thanh Tùng

Phụ lục I
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
TRONG LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG, HỖ TRỢ
HỢP TÁC, HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ

(Kèm theo Thông báo số : /TB-UBND ngày của UBND xã Tuệ Tĩnh)

STT	Mã Thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính
I. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung		
1	2.002635	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp.
2	2.002636	Đề nghị <i>thu hồi</i> Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo.
3	2.002637	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023
4	2.002638	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy
5	2.002639	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác;
6	2.002640	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác
7	2.002641	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác

8	2.002642	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác
9	2.002643	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã
10	2.002644	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác
11	2.002645	Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã
12	2.002646	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài
13	2.002648	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã
14	2.002649	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã
15	2.002650	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã
16	1.005280	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất
17	2.002123	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh
18	1.005277	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập

19	1.004901	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã
20	1.004979	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập
21	2.001958	Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã
22	1.005378	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã
23	1.005377	Thông báo tạm ngừng kinh doanh tiếp tục kinh doanh trở lại đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh
24	2.001973	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã
25	1.004982	Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã
26	1.005010	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã
27	2.002226	Thông báo thành lập/thay đổi tổ hợp tác
28	2.002228	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác
29	2.002668	Đăng ký nhu cầu hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

II. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ		
1	2.002227	Thông báo thay đổi tổ hợp tác